| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÚ THIỆN**<br>**TỈNH GIA LAI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07-05-2025
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ THIỆN, TỈNH GIA LAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ksor Jưh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Chế Công Nghị

2. Bà Nguyễn Thị Huê

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Diệu Linh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 7 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2025/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2025, về việc *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số:10/2025/QĐST–HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn V, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn T, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn T, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Tôi và chị Nguyễn Thị Bích D, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/07/2013 tại UBND xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống, chúng tôi nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất

đồng về quan điểm sống, cách suy nghĩ. Mặc dù chúng tôi đều đã cố gắng tự giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả, đời sống hôn nhân không những không được cải thiện mà càng ngày càng mâu thuẫn làm cho cả hai cảm thấy ngột ngạt, không có hạnh phúc. Nay tôi cảm thấy mâu thuẫn hôn nhân đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn V yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích D.

Về con chung: Anh Phạm Văn V và chị Nguyễn Thị Bích D có một con chung là cháu Phạm Thái K, sinh ngày 13 tháng 09 năm 2013. Hiện con chung vẫn đang ở với chị D, anh V đề nghị giao con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh Phạm Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn*: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị Nguyễn Thị Bích D vẫn không đến Tòa án làm việc và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện cũng như các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tại phiên tòa, chị D cũng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho anh Phạm Văn V được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích D.

Về con chung: Giao 01 con chung là Phạm Thái K, sinh ngày 13 tháng 09 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị Bích D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Buộc anh Phạm Văn V phải chịu án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Phạm Văn V khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Tòa án đã tiến hành xác minh chị Nguyễn Thị Bích D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 ĐIều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị D vẫn không đến Tòa án nộp văn bản ý kiến của mình. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn V và chị Nguyễn Thị Bích D tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/07/2013 tại UBND xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống với nhau, giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn gay gắt do bất đồng về quan điểm. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Văn V xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích D.

Về con chung: Anh Phạm Văn V và chị Nguyễn Thị Bích D có một con chung là cháu Phạm Thái K, sinh ngày 13 tháng 09 năm 2013. Từ khi hai bên sống ly thân thì con chung vẫn ở với chị D. Xét đề nghị của anh V giao con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Nguyên đơn anh Phạm Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủ banThường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 170; khoản 2 Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 57; Điều 81, 82,83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn V.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn V được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích D.

Về con chung: Giao 01 con chung là Phạm Thái K, sinh ngày 13 tháng 09 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị Bích D nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật  trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày tuyên án hôm nay (7/05/2025) cho đến khi con thành niên và tự lập được hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và tài sản để tự nuôi mình.

Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và áp dụng việc cấp dưỡng nuôi  con chung, anh Phạm Văn V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở thực hiện quyền này.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

**2. Về án phí:** Anh Phạm Văn V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009100 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai. Anh Phạm Văn V đã nộp đủ.

**3. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND H. Phú Thiện;
- Chi cục THADS (khi án có hiệu lực);
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Ia Peng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Ksor Jưh**